

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 697/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1084/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: E5/54 Ấp 5, xã H, huyện B, Tp. H.

Tạm trú: E23/55 Ấp 5, xã H, huyện B, Tp. H.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh N, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: E5/54 Ấp 5, xã H, huyện B, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc Đ trình bày: Bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Hồ Thanh N chung sống với nhau vào năm 2005, có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố H. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình; ông N còn ghen tuông bà vô cớ và đánh đập bà. Bà và ông N đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Ngọc Yến V, sinh ngày 26/9/2007, giới tính nữ; hiện con đang sống chung với bà.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông N. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn ông Hồ Thanh N vắng mặt, nhưng có bản tự khai trình bày ý kiến như sau:* Ông và bà Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố H vào năm 2005. Vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 8/2018 về những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình nên thường hay cãi vã nhau.

Về con chung: Ông và bà Đ có 01 con chung tên Hồ Ngọc Yến V, sinh ngày 26/9/2007.

Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ vì ông còn thương vợ con. Ông xin được đoàn tụ, hàn gắn gia đình và cam kết sẽ từ bỏ những thói hư tật xấu để chăm lo cho vợ con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Hồ Thanh N.

+ Về con chung: Giao trẻ Hồ Ngọc Yến V, giới tính nữ, sinh ngày 26/9/2007 cho Bà Đ nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông N lại thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Thanh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà Đ tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Thanh N đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 160 Quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố H cấp ngày 21/12/2005, giữa bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Hồ Thanh N là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Đời sống chung vợ chồng của bà Đ và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn từ tháng 8/2018 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã, không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà Đ đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, tuy ông N có thiện chí hàn gắn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt đồng thời cũng không thể hiện những giải pháp đoàn tụ gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc và lo tương lai cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung giữa hai vợ chồng bà Đ và ông N không thể kéo dài vì đã ly thân trong thời gian dài, cả hai không mong muốn về chung sống cùng nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Giữa bà Đ và ông N có 01 con chung tên Hồ Ngọc Yên V, sinh ngày 26/9/2007. Hiện nay trẻ Yên V đang sống chung với Bà Đ. Sau khi ly hôn, Bà Đ có mong muốn được nuôi trẻ Yên V. Bà Đ không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trẻ Yên V hiện đang sống chung với Bà Đ và trẻ V có mong muốn sống chung với bà Đ, bà Đ hiện đang nuôi dưỡng trẻ V rất tốt về mọi mặt và điều kiện học tập tốt, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Yên V cho Bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông N thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Thanh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đ tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Hồ Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 160 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố H cấp ngày 21/12/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Hồ Ngọc Yến V, giới tính nữ, sinh ngày 26/9/2007 cho Bà Đ nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông N lại thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Thanh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Đ tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/005776 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Long,
H. Bình Chánh, TP. HCM;
- Lưu VP, Hồ sơ.

Trương Văn Dừa